

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 18 tháng 03 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				75,231
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	260	9,620,000
	Được chi trong ngày				9,695,231
	Đã chi trong ngày				9,554,060
	1. Dịch vụ				260,000
1	Gas sáng		0	260	0
2	Gas trưa		1,000	260	260,000
	2. Kho				235,000
	Ăn chính				235,000
1	Sữa Grow IQ Plus	Kg	235,000	1	235,000
	3. Đi chợ				9,059,060
	Ăn chính				9,059,060
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Khoai tây	Kg	66,150	4.5	297,675
3	Cà chua	Kg	57,750	9	519,750
4	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	36,750	2	73,500
5	Cần tây	Kg	63,000	0.3	18,900
6	Gấc	Kg	52,500	2	105,000
7	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
8	Hành tây	Kg	36,750	2	73,500
9	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
10	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
11	Cải thìa	Kg	42,000	1	42,000
12	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	194,250	1	194,250
13	Lươn	Kg	336,000	3	1,008,000
14	Đường kính	Kg	38,850	4	155,400
15	Ngũ vị hương	Gói	7,560	1	7,560
16	Bánh flan Ánh Hồng	Hộp	7,040	260	1,830,400
17	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
18	Nấm bào ngư	Kg	68,250	1	68,250
19	Giấm	Lít	21,600	1	21,600
20	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	3	200,880
21	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	2	157,680
22	Thịt bò	Kg	336,000	8	2,688,000
23	Cà diều hồng phi lê	Kg	220,500	2.5	551,250
24	Sữa chua dâu(sdd)	Hũ	12,960	8	103,680
25	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
26	Miến Phú Hương	Kg	45,360	11	498,960
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				5,631,500
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				105,811,329
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			3,114	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				115,218,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				115,076,829
	Chênh lệch cuối ngày				141,171

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy